

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ- ST  
Ngày: 30- 6- 2022  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MT- TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.
2. Ông Cao Thành Phước.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Văn Điện, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MT, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2021/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Bích H, sinh 1989. Địa chỉ: ấp ML, xã MH, TXBM, tỉnh Vĩnh Long- Chị Bùi Thị Bích H có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cù Tuấn P, sinh 1987. Địa chỉ: ấp AH, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long- vắng mặt không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2021 và trong quá trình hoà giải, nguyên đơn Bùi Thị Bích H trình bày:*

Chị Bùi Thị Bích H và anh Cù Tuấn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 18/3/2008, anh chị được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2007. Trước khi khởi kiện khoảng 02 tháng, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, anh P hăm dọa sẽ giết chị H. Từ đó chị H và anh P ly thân nhau. Chị H cho rằng mục đích không nhân không đặc được nên khởi kiện xin ly hôn với anh P.

Chị H và anh P có 02 con chung tên là Cù Quốc H1, sinh ngày 30/4/2008 và Cù Gia N, sinh ngày 12/7/2016. Hiện chị H nuôi dưỡng cháu N, anh P nuôi dưỡng cháu H1. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu H1 và N. Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con chung. T hợp cháu H1 có nguyện vọng ở với anh P thì chị H đồng ý để anh P trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

Chị H không yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

*Bị đơn Cù Tuấn P trình bày:*

Anh P thừa nhận lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Anh P không đồng ý ly hôn với chị H, vì mâu thuẫn vợ chồng không lớn.

T hợp pháp luật chấp nhận cho chị H ly hôn với anh P, anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hết hai cháu H1 và Ngân. Anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi hai con chung và anh P không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung.

Toà án tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả.

*Nhận xét và đề xuất của Kiểm sát viên:*

*Nhận xét:*

Hội đồng xét, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Đề xuất:*

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, điểm a và b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, xử:

- Chấp nhận cho chị H ly hôn với anh P.
- Giao chị H nuôi cháu N, giao anh P nuôi cháu H.
- Không xét cấp dưỡng nuôi con chung.
- Không xét việc chia tài sản chung, chia nợ chung.
- Buộc chị H nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

1.1. Chị Bùi Thị Bích H khởi kiện xin ly hôn, nuôi con đối với anh Cù Tuấn P. Anh P có nơi cư trú tại ấp AH, xã CA, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện MT xác định tranh chấp ly hôn và nuôi con, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Chị H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, nên tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không lý do. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2]. Về nội dung:**

**2.1. Hôn nhân:**

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chị H khởi kiện xin ly hôn với anh P. Toà án tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Cho thấy chị H không còn yêu thương anh P, nên mục đích hôn nhân giữa chị H và anh P không thể đạt được. Chị H khởi kiện xin ly hôn anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

**2.2. Con chung:**

Chị và anh có 02 con chung tên là Cù Quốc H1, sinh ngày 30/4/2008 và Cù Gia N, sinh ngày 12/7/2016. Hiện chị H nuôi dưỡng cháu N, anh P nuôi dưỡng cháu H1. Nên tiếp tục giao cháu N cho chị H tiếp tục trực nuôi dưỡng, giao cháu H1 cho anh P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của hai cháu, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

**2.3. Tài sản:**

Chị H và anh P không yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu chia nợ chung. Nên không xét.

**[3]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc chị H nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm là đúng quy định.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Bích H:

**1. Hôn nhân:**

Chị Bùi Thị Bích H được ly hôn với anh Cù Thuấn P.

2. Con chung:

2.1. Giao anh Cù Tuấn P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Cù Quốc H1, sinh ngày 30/4/2008.

2.2. Giao chị Bùi Thị Bích H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Cù Gia N, sinh ngày 12/7/2016.

Anh P và chị H có quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Cấp dưỡng nuôi con chung:

Không xét.

3. Tài sản chung, nợ chung:

Không xét.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Buộc chị Bùi Thị Bích H nộp 300.000đ ( ba trăm ngàn đồng). Chị H được khấu trừ từ 300.000đ ( ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT ngày 10/12/2021, lai số 0006851. Chị H không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn Bùi Thị Bích H và vắng mặt Cù Tuấn P. Báo cho chị H và anh P biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện MT;
- UBND xã CA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

**Huỳnh Văn Vĩnh**

